

Số: 98 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 19/01/2022 đến 16h00 ngày 20/01/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Trong 24 giờ qua, thế giới ghi nhận thêm 3.519.252 trường hợp mắc, 8.965 ca tử vong. Tổng số ca mắc COVID-19 trên toàn cầu vượt 339,6 triệu ca, trong đó trên 5,58 triệu ca tử vong.

Ngày 19/1, Nhật Bản ghi nhận 41.485 ca mắc mới COVID-19, cao nhất từ trước đến nay. Đây cũng là ngày thứ 2 liên tiếp số ca mắc mới tại nước này lên một mốc cao mới. Trước đó cùng ngày, Nhật Bản đã tuyên bố tình trạng phòng dịch trọng điểm tại Tokyo và 12 tỉnh khác, theo đó các nhà hàng phải đóng cửa sớm hơn và dừng hoặc hạn chế bán đồ uống có cồn.

Tại châu Âu, Pháp ghi nhận số ca mắc mới theo ngày ở mức cao nhất từ trước đến nay, với 464.000 ca, trong bối cảnh biến thể Omicron đang lan rộng tại quốc gia châu Âu này. Tính trung bình trong tuần qua Pháp có hơn 300.000 ca mắc mới mỗi ngày. Đức cũng đã ghi nhận 112.323 ca mắc mới và 239 ca tử vong, đánh dấu lần đầu tiên kể từ đầu dịch, Đức ghi nhận trên 100.000 ca mới trong một ngày. Hiện Đức đã siết chặt hơn nữa các biện pháp nhằm cắt đứt chuỗi lây lan của dịch bệnh, trong đó có việc giới hạn hoạt động của các quán bar và nhà hàng, chỉ có phép những người đã tiêm chủng đầy đủ hoặc đã khỏi bệnh được tới những địa điểm này.

Tại Mỹ, gần 9,5 triệu trẻ em đã có kết quả xét nghiệm dương tính với virus SARS-CoV-2 kể từ khi đại dịch bùng phát, đặc biệt "tăng đột biến" trên cả nước thời gian gần đây. Theo Học viện Nhi khoa Mỹ (AAP), gần 1 triệu trường hợp trẻ em mắc COVID-19 được báo cáo trong tuần kết thúc vào ngày 13/1 vừa qua, tăng 69% so với 580.000 ca ghi nhận tuần trước đó và tăng gấp 3 lần con số của hai tuần trước.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 20/01/2022, cả nước ghi nhận 2.094.802 ca mắc, trong đó 2.089.865 ca trong nước. Đến nay đã có 1.794.924 người khỏi bệnh, 36.114 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 2.091.950 ca, trong đó có 2.088.295 ca trong nước (99,8%), 1.792.107 người đã khỏi bệnh (85,7%), 36.079 tử vong tại 53 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 16.715 ca mắc mới, trong đó 16.637 ca ghi nhận trong nước (tăng 701 ca so với ngày trước đó) tại 63 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (2.884), Đà Nẵng (983), Hải Phòng (722), Bến Tre (614), Khánh Hòa (579), Hưng Yên (565), Bình Định (521),

Quảng Ngãi (513), Thanh Hóa (497), Bình Phước (462), Quảng Ninh (389), Bắc Giang (386), Bắc Ninh (373), Cà Mau (361), Trà Vinh (332), Quảng Nam (288), Thừa Thiên Huế (285), Nam Định (283), Hải Dương (280), Vĩnh Phúc (270), Vĩnh Long (269), Nghệ An (245), Hồ Chí Minh (245), Tây Ninh (239), Thái Nguyên (235), Lâm Đồng (231), Hòa Bình (218), Bà Rịa - Vũng Tàu (154), Đắk Lắk (153), Tuyên Quang (153), Lạng Sơn (143), Gia Lai (143), Quảng Trị (142), Phú Thọ (139), Bình Thuận (138), Ninh Bình (138), Thái Bình (137), Bạc Liêu (135), Quảng Bình (132), Kon Tum (119), Yên Bái (103), Lào Cai (103), Phú Yên (101), Hà Giang (101), Hà Nam (98), Đắk Nông (98), Điện Biên (98), Sơn La (98), Hậu Giang (90), Đồng Tháp (80), Kiên Giang (77), Đồng Nai (65), Bình Dương (61), Hà Tĩnh (55), An Giang (51), Cần Thơ (47), Long An (38), Cao Bằng (38), Tiền Giang (37), Lai Châu (36), Sóc Trăng (33), Ninh Thuận (29), Bắc Kạn (5).

+ Có 78 ca nhập cảnh ghi nhận tại Khánh Hòa (26), Quảng Ninh (10), Đà Nẵng (10), Hưng Yên (7), Tây Ninh (6), Hồ Chí Minh (5), Quảng Bình (3), Hà Nội (2), Điện Biên (2), Nghệ An (2), Phú Yên (2), Hải Dương (1), Ninh Bình (1), Hà Tĩnh (1).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Trà Vinh (giảm 271), Thanh Hóa (giảm 131), Bình Phước (giảm 73).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Bình Định (tăng 109), Quảng Ninh (tăng 92), Đà Nẵng (tăng 91).

- Đến ngày 20/01/2021, Việt Nam đã ghi nhận 108 trường hợp nhiễm biến thể Omicron, trong đó có 03 trường hợp phát hiện tại cộng đồng và 105 trường hợp nhập cảnh được cách ly tại 10 tỉnh, thành phố: TP. Hà Nội (1), Quảng Nam (27), TP. Hồ Chí Minh (65), Hải Dương (1), TP. Hải Phòng (1), Thanh Hóa (2), Đà Nẵng (3), Khánh Hòa (2), Long An (1), Quảng Ninh (2). Các trường hợp nhập cảnh Việt Nam đến từ 15 quốc gia (Anh, Mỹ, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Kenya, Ucraina, Qatar, Estonia, Uganda, UAE, Thái Lan, Philippines, Canada, Ấn Độ, Nhật Bản) trên 36 chuyến bay và 01 cửa khẩu đường bộ (Mộc Bài - Tây Ninh). Các hành khách đi cùng đã được cách ly, theo dõi, quản lý kịp thời ngay khi nhập cảnh; sức khỏe của các trường hợp trên ổn định.

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 11.796 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 70,9% tổng số mắc trong ngày), tăng 1.336 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hồ Chí Minh: Trong ngày ghi nhận 245 ca thông qua sàng lọc (giảm 18 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 512.195 ca.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.933 ca cộng đồng (tăng 657 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 99.910 ca.

+ Tỉnh Hà Nam: Trong ngày ghi nhận 85 ca cộng đồng (tăng 34 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 4.231 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 829 ca cộng đồng (tăng 33 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 22.265 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hà Nội tăng 4.648 ca, TP. Đà Nẵng tăng 2.689 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: TP. Hồ Chí Minh (giảm 1.796 ca), Bà Rịa – Vũng Tàu (giảm 1.196 ca), TP. Hải Phòng (giảm 687 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.792.107 người đã khỏi bệnh (85,7%), tăng 5.736 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 263.764 trường hợp, trong đó

có 4.591 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 3.062; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 750; (3) Thở máy không xâm lấn: 112; (4) Thở máy xâm lấn: 647; (5) EMO: 20.

- Trong ngày 19/01, ghi nhận 142 trường hợp tử vong (giảm 42 trường hợp so với ngày trước đó), gồm: TP. Hồ Chí Minh (9), Đồng Tháp (16), Kiên Giang (12), Vĩnh Long (11), Bến Tre (10 ca trong 02 ngày), Bà Rịa - Vũng Tàu (9 ca trong 02 ngày), Sóc Trăng (8), An Giang (8), Tiền Giang (7), Tây Ninh (6), Cần Thơ (5), Cà Mau (5), Hà Nội (4), Khánh Hòa (4), Long An (4), Bình Phước (3), Lâm Đồng (2), Hậu Giang (2), Bạc Liêu (2), Hải Phòng (2), Hòa Bình (2), Huế (2), Bắc Ninh (1), Quảng Nam (1), Bình Định (1), Đắk Lắk (1), Nam Định (1), Lào Cai (1), Nghệ An (1), Ninh Thuận (1), Bình Thuận (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Bộ Y tế tổ chức hội nghị trực tuyến triển khai công tác y tế năm 2022. Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính dự và phát biểu chỉ đạo tại hội nghị. Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam cùng dự hội nghị.

- Ngay sau khi nhận được thông tin về trường hợp biến thể Omicron đầu tiên trong cộng đồng, Bộ Y tế đã chỉ đạo CDC thành phố Hồ Chí Minh, Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Cục Hàng không, Hãng bay và các bên liên quan xác minh, truy vết, lập danh sách hành khách trên chuyến bay nêu trên, thông tin cho các địa phương để kịp thời giám sát, quản lý.

- Tăng cường thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân hiểu về chiến lược thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trong tình hình mới.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 19/01/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 37.453.951 mẫu cho 80.282.552 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 31.719.606 mẫu tương đương 76.534.613 lượt người, tăng 56.388 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.754.458 mẫu gộp cho 47.690.314 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin đã tiếp nhận đến ngày 19/01/2021 là 209.607.474 liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	30.327.036	29.307.680	11.520.500	17.400.780	386.400	59.634.716
2	Pfizer	50.999.130	26.376.270	23.999.040	2.377.230	0	77.375.400
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	31.761.200	61.200	6.700.000	25.000.000	51.761.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000

6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	106.326.166	103.281.308	49.617.100	26.800.810	26.863.398	209.607.474
II	Tổng số vắc xin đã tiêm						172.714.400
III	Số vắc xin còn lại chưa tiêm						36.893.074

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 209,6 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 190,5 triệu liều; còn khoảng 19,1 triệu liều chưa phân bổ do mới được tiếp nhận cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 19/01/2022

Cả nước đã tiêm 172.714.400 liều (trong ngày tiêm được 1.060.059 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 90,6% số vắc xin phân bổ 120 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi) ²	100,0%	95,5%	18,1%
Trẻ em (12-17 tuổi)	92,9%	80,3%	-

Ghi chú: () Mũi nhắc lại*

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 157.402.956 liều:

+ Mũi 1: 70.575.133 liều

+ Mũi 2: 67.625.921 liều³; Mũi bổ sung: 6.670.326 liều

+ Mũi 3: 12.531.576 liều

46/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%⁴.

16/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 80 – dưới 90%⁵

01/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 80% là Sơn La (78,1%).

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 15.311.444 liều:

¹ 22 triệu liều chưa phân bổ gồm: 11,1 triệu liều Pfizer mua; 0,5 triệu liều AstraZeneca mua; 1 triệu liều AstraZeneca do Úc viện trợ; 3 triệu liều VeroCell do Trung Quốc viện trợ; 0,1 triệu liều Sputnik Light do Nga viện trợ; 4,6 triệu liều Moderna và 1,6 triệu liều Pfizer do COVAX viện trợ.

² Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên, các địa phương đang tiến hành rà soát và cập nhật lại đối tượng. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

³ Bao gồm 1.414.262 liều Abdala mũi 3. Vắc xin Abdala có lộ trình tiêm 3 liều cơ bản, mỗi liều cách nhau 14 ngày

⁴ Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hưng Yên, Bắc Cạn, Quảng Ninh, Nghệ An, Hà Tĩnh, Lai Châu, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang, Yên Bái, Lào Cai, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, TP. HCM, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Tiền Giang, Long An, Lâm Đồng, Cần Thơ, Sóc Trăng, An Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Bình Phước, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu và Hậu Giang

⁵ Thanh Hóa, Phú Thọ, Vĩnh phúc, Hải Dương, Thái Nguyên, Hòa Bình, Cao Bằng, Điện Biên, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Kon Tum, Tây Ninh, Trà Vinh, Bình Dương

+ Mũi 1: 8.214.732 liều

+ Mũi 2: 7.096.712 liều.

41 tỉnh, thành phố đã cơ bản bao phủ đủ liều cơ bản cho nhóm tuổi này là Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Lai Châu, Lạng Sơn, Cao Bằng, Yên Bái, Lào Cai, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Nông, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Tiền Giang, Long An, Lâm Đồng, Tây Ninh, Sóc Trăng, An Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Phước, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Hậu Giang.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Công tác truy vết: Từ ngày 27/4 đến ngày 20/01/2022, cả nước đã truy vết được 1.914.936 trường hợp F1, trong đó có 1.106.850 trường hợp đã được xét nghiệm.

VIII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

IX. Nhận định

Tại Việt Nam, đến nay tình hình dịch cơ bản được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên dịch vẫn diễn biến phức tạp và khó lường do bản chất của vi rút có đột biến liên tục và đã ghi nhận nhiều biến thể mới nguy hiểm hơn (4-6 tháng xuất hiện biến thể mới). Biến thể Delta, Omicron với tốc độ lây lan nhanh, rộng trên thế giới. Mầm bệnh đã lưu hành trong cộng đồng. Nghị quyết số 128/NQ-CP các hoạt động xã hội trở lại bình thường, người dân giao lưu đi lại. Từ ngày 01/01/2022 mở cửa chuyên bay thương mại, du khách đi du lịch Việt Nam, người Việt từ nước ngoài về đón Tết... nguy cơ tiếp tục xâm nhập các ca nhiễm biến thể Omicron. Thời gian tới Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 nghỉ dài, giao lưu, chúc Tết, đoàn tụ gia đình. Hơn nữa người dân còn chủ quan sau khi được tiêm đầy đủ các mũi vắc xin, chưa thực hiện nghiêm 5K.

X. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các hướng dẫn của Bộ Y tế về chủ động phòng chống biến thể Omicron; chủ động xây dựng các kịch bản, phương án để sẵn sàng đáp ứng với các tình huống dịch COVID-19 trên địa bàn, nâng cao năng lực hệ thống y tế nhất là y tế cơ sở, bảo đảm thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế theo phương châm 4 tại chỗ và có phương án huy động, điều động, bổ sung nhân lực y tế; tiếp tục phát huy vai trò của Tổ COVID cộng đồng, Trạm Y tế lưu động, không để xảy ra tình trạng người bệnh không liên hệ được với cơ sở y tế, không được tư vấn, cấp phát thuốc điều trị.

2. Tăng cường giám sát, quản lý các trường hợp nhập cảnh từ nước ngoài, lưu ý kiểm tra điều kiện lưu trú của các trường hợp này nhằm đảm bảo không tiếp xúc với người xung quanh khi mới nhập cảnh theo quy định; tăng cường giám sát tại cộng đồng để phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ, các diễn biến bất thường (ổ dịch, số mắc, ca bệnh tử vong...), khoanh vùng, xử lý kịp thời, triệt để ổ dịch không để lây lan ra cộng đồng. Chủ động gửi mẫu bệnh phẩm nghi nhiễm biến chủng Omicron đến Viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Pasteur để tiến hành xét nghiệm, giải trình tự gen khẳng định.

3. Các bộ, ngành, địa phương: (i) Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả các nguyên lý, biện pháp, công thức, phương châm phòng chống dịch với 3 trụ cột (cách ly, xét nghiệm, điều trị) và công thức “5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + đề cao ý thức người dân và các biện pháp khác”; (ii) không tổ chức các hoạt động tập trung đông người, nhất là dịp Tết âm lịch sắp tới; (iii) đẩy mạnh tiến độ tiêm vắc xin tại địa phương khi đã được cung cấp đầy đủ vắc xin, bảo đảm tiến độ theo

chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Y tế; (iv) tiếp tục huy động sự tham gia của cộng đồng, tình nguyện viên trong hỗ trợ tư vấn, chăm sóc, theo dõi người bệnh; (v) tăng cường áp dụng các biện pháp công nghệ để quản lý ca bệnh và điều hành, quản lý dịch bệnh.

4. Hoàn thiện tiêm đủ liều cơ bản cho người từ 12 tuổi trở lên trong tháng 01/2022 và liều bổ sung, liều nhắc lại cho người từ 18 tuổi trở lên theo Công văn 10722/BYT-DP ngày 17/12/2021 về tiêm vắc xin phòng COVID-19 liều cơ bản và liều nhắc lại trong Quý I/2022; rà soát không để bỏ sót đối tượng chưa được tiêm chủng và đối tượng chưa được tiêm đủ liều vắc xin; sau khi rà soát, khẩn trương tiêm đủ liều cho các đối tượng từ 12 tuổi trở lên; bảo đảm an toàn trong tiêm chủng.

5. Đảm bảo an toàn phòng chống dịch COVID-19 trong khu công nghiệp, trường học. Tăng cường kiểm tra công tác phòng, chống dịch tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe... yêu cầu thực hiện nghiêm việc thường xuyên cập nhật trạng thái trên Bản đồ chung sống an toàn với COVID-19

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 19/01	Số mắc ngày 20/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 20/01	Số tử vong tích lũy đến 19/01
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		15.936	16.637	701	2.088.093	36.078
1	Hồ Chí Minh	263	245	-18	512.195	20.249
2	Bình Dương	64	61	-3	292.085	3.346
3	Hà Nội	2.909	2.884	-25	99.910	283
4	Đồng Nai	77	65	-12	99.530	1.575
5	Tây Ninh	247	239	-8	86.553	785
6	Khánh Hòa	652	579	-73	59.603	249
7	Cà Mau	379	361	-18	53.961	252
8	Vĩnh Long	251	269	18	51.887	581
9	Đồng Tháp	75	80	5	46.817	828
10	Cần Thơ	71	47	-24	43.997	793
11	Bình Phước	535	462	-73	42.533	129
12	Long An	49	38	-11	41.246	969
13	Trà Vinh	603	332	-271	36.814	202
14	An Giang	41	51	10	35.180	1.243
15	Tiền Giang	30	37	7	35.134	1.128
16	Bến Tre	561	614	53	34.822	318
17	Bạc Liêu	177	135	-42	34.420	326
18	Kiên Giang	35	77	42	32.479	717
19	Sóc Trăng	34	33	-1	31.965	488
20	BRVT	170	154	-16	30.004	325
21	Bình Thuận	150	138	-12	28.607	346
22	Bình Định	412	521	109	28.324	98
23	Hải Phòng		722	722	23.107	21
24	Đà Nẵng	892	983	91	22.265	87
25	Bắc Ninh	288	373	85	19.150	25
26	T.T.Huế	277	285	8	18.810	99
27	Hậu Giang	97	90	-7	15.295	127
28	Đắc Lắc	3	153	150	14.715	77
29	Thanh Hóa	628	497	-131	14.676	11
30	Lâm Đồng	245	231	-14	13.909	43
31	Hưng Yên	568	565	-3	12.707	2
32	Bắc Giang	302	386	84	11.711	17
33	Quảng Ngãi	490	513	23	11.180	33
34	Nghệ An	251	245	-6	10.955	38
35	Hà Giang	109	101	-8	10.902	17
36	Quảng Nam	336	288	-48	10.238	20
37	Phú Yên	164	101	-63	9.380	56
38	Gia Lai	151	143	-8	9.275	27
39	Quảng Ninh	297	389	92	9.261	5

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 19/01	Số mắc ngày 20/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 20/01	Số tử vong tích lũy đến 19/01
40	Hải Dương	349	280	-69	7.566	8
41	Đắc Nông	127	98	-29	7.372	19
42	Vĩnh Phúc	338	270	-68	7.088	8
43	Nam Định	274	283	9	7.013	5
44	Ninh Thuận	30	29	-1	6.584	55
45	Thái Nguyên	196	235	39	5.222	1
46	Phú Thọ	180	139	-41	5.197	8
47	Thái Bình	187	137	-50	5.114	0
48	Quảng Bình	118	132	14	5.080	7
49	Hòa Bình	251	218	-33	4.948	10
50	Hà Nam	99	98	-1	4.231	0
51	Quảng Trị	58	142	84	3.633	4
52	Lạng Sơn	131	143	12	3.214	8
53	Sơn La	99	98	-1	2.949	0
54	Ninh Bình	126	138	12	2.620	1
55	Tuyên Quang	89	153	64	2.569	0
56	Hà Tĩnh	49	55	6	2.181	6
57	Lào Cai	106	103	-3	1.928	1
58	Yên Bái	110	103	-7	1.844	0
59	Kon Tum		119	119	1.762	0
60	Điện Biên	35	98	63	1.568	0
61	Cao Bằng	43	38	-5	1.297	2
62	Bắc Kạn	14	5	-9	768	0
63	Lai Châu	44	36	-8	743	0
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	
	BVND TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	15.936	16.637	701	2.088.295	36.078

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 19/01/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 120 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 120 đợt
1	Hà Nội	16.445.982	6.194.143	5.912.304	0	219.970	1.724.615	693.278	658.341	15.402.651	93,7%
2	Hải Phòng	4.061.090	1.659.430	1.525.307	0	41.169	49.351	152.042	148.204	3.575.503	88,0%
3	Thái Bình	2.809.460	1.147.515	1.176.377	96.673	83.215	128.257	149.069	49.713	2.830.819	100,8%
4	Nam Định	2.696.770	1.132.752	1.100.354	0	2.108	55.885	149.694	73.664	2.514.457	93,2%
5	Hà Nam	1.641.260	579.849	568.692	0	255.524	76.086	70.927	69.058	1.620.136	98,7%
6	Ninh Bình	1.528.080	636.194	622.073	0	2.107	66.564	82.166	76.925	1.486.029	97,2%
7	Thanh Hoá	6.783.480	2.308.654	2.135.637	228.432	93.780	25.532	280.923	216.349	5.289.307	78,0%
8	Bắc Giang	3.436.610	1.301.381	1.277.188	0	50.520	565.465	148.457	135.208	3.478.219	101,2%
9	Bắc Ninh	2.992.450	1.126.003	1.068.100	0	316.978	263.231	115.262	107.833	2.997.407	100,2%
10	Phú Thọ	2.165.210	965.177	870.831	0	87.565	29.513	124.690	99.614	2.177.390	100,6%
11	Vĩnh Phúc	2.163.070	784.254	693.582	0	0	0	98.285	58.512	1.634.633	75,6%
12	Hải Dương	3.194.630	1.248.564	1.189.666	3.533	78.805	272.798	156.764	135.081	3.085.211	96,6%
13	Hưng Yên	2.173.752	821.268	788.655	0	0	30.779	105.348	103.577	1.849.627	85,1%
14	Thái Nguyên	2.292.690	903.105	821.867	12.792	107.790	91.593	107.392	96.221	2.140.760	93,4%
15	Bắc Cạn	565.100	211.475	195.696	0	289	7.120	20.307	2.265	437.152	77,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 120 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 120 đợt
16	Quảng Ninh	3.125.858	977.873	922.770	0	4.934	470.464	119.421	110.336	2.605.798	83,4%
17	Hoà Bình	1.556.610	526.417	494.124	0	0	0	74.836	65.172	1.160.549	74,6%
18	Nghệ An	5.448.880	1.978.184	1.961.775	499.033	231.703	233.049	281.138	241.970	5.426.852	99,6%
19	Hà Tĩnh	2.240.650	796.598	717.376	0	90.529	70.279	112.743	102.788	1.890.313	84,4%
20	Lai Châu	745.270	251.952	238.271	0	52.912	34.847	50.638	44.745	673.365	90,4%
21	Lạng Sơn	1.533.890	497.656	481.956	0	0	124.219	66.427	62.275	1.232.533	80,4%
22	Tuyên Quang	1.354.160	553.404	478.769	0	0	109.173	1.870	37.738	1.180.954	87,2%
23	Hà Giang	1.542.780	478.735	441.558	161	13.904	84.817	84.772	69.457	1.173.404	76,1%
24	Cao Bằng	865.380	342.265	306.207	0	21.325	56.477	44.641	38.503	809.418	93,5%
25	Yên Bái	1.483.320	506.706	486.979	0	137.326	79.424	77.459	73.258	1.361.152	91,8%
26	Lào Cai	1.459.780	498.082	419.991	0	104.348	54.346	36.485	71.279	1.184.531	81,1%
27	Sơn La	1.706.930	771.933	652.128	1.569	0	54.611	94.149	101.500	1.675.890	98,2%
28	Điện Biên	1.068.700	329.248	294.862	0	28.281	48.274	62.029	49.871	812.565	76,0%
Cộng miền Bắc		79.081.842	29.528.817	27.843.095	842.193	2.025.082	4.806.769	3.561.212	3.099.457	71.706.625	90,7%
29	Quảng Bình	1.374.770	527.572	503.122	0	3.395	46.206	75.616	56.117	1.212.028	88,2%
30	Quảng Trị	1.206.972	427.830	406.744	9.601	14.474	41.873	60.617	28.080	989.219	82,0%
31	TT- Huế	2.264.176	784.636	740.144	0	142.806	110.154	102.188	96.477	1.976.405	87,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 120 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 120 đợt
32	Tp. Đà Nẵng	2.124.322	860.528	847.614	0	77.852	117.072	100.536	98.437	2.102.039	99,0%
33	Quảng Nam	2.719.880	1.036.736	997.697	28.204	56.971	29.455	119.670	95.748	2.364.481	86,9%
34	Quảng Ngãi	2.131.114	828.099	754.154	0	292	32.943	109.951	94.400	1.819.839	85,4%
35	Bình Định	2.621.680	1.039.877	988.345	48.068	63.075	76.177	139.292	55.265	2.410.099	91,9%
36	Phú Yên	1.555.654	619.130	577.797	0	9.075	73.240	84.419	72.022	1.435.683	92,3%
37	Khánh Hòa	2.601.860	966.825	926.658	0	278.547	217.388	115.968	114.630	2.620.016	100,7%
38	Ninh Thuận	1.236.810	429.070	393.962	0	94.037	57.186	59.494	53.932	1.087.681	87,9%
39	Bình Thuận	2.431.820	893.000	846.335	0	108.383	20.784	95.027	71.535	2.035.064	83,7%
Cộng miền Trung		22.269.058	8.413.303	7.982.572	85.873	848.907	822.478	1.062.778	836.643	20.052.554	90,0%
40	Kon Tum	984.090	316.463	292.511	3.433	62.022	27.882	58.468	47.311	808.090	82,1%
41	Gia Lai	2.561.712	974.397	861.040	67.794	35.590	102.634	163.229	127.949	2.332.633	91,1%
42	Đắk Lắk	3.225.460	1.251.089	1.173.121	0	165.127	88.330	176.800	96.555	2.951.022	91,5%
43	Đắk Nông	1.175.200	401.307	392.901	0	78.376	54.774	67.958	65.117	1.060.433	90,2%
Cộng Tây Nguyên		7.946.462	2.943.256	2.719.573	71.227	341.115	273.620	466.455	336.932	7.152.178	90,0%
44	TP. HCM	19.660.290	7.443.057	6.690.624	12.340	660.464	3.524.968	721.107	704.106	19.756.666	100,5%
45	BR-VT	2.531.240	966.810	885.723	0	0	259.186	110.228	108.377	2.330.324	92,1%
46	Đồng Nai	6.133.790	2.713.731	2.332.269	0	73.650	132.651	177.311	128.624	5.558.236	90,6%
47	Tiền Giang	3.631.950	1.317.782	1.268.609	138.163	64.623	299.491	156.233	147.907	3.392.808	93,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 120 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 120 đợt
48	Long An	4.058.390	1.497.704	1.442.576	30	13.718	582.085	170.138	153.002	3.859.253	95,1%
49	Lâm Đồng	2.635.904	973.155	946.865	0	292.066	76.489	134.352	112.078	2.535.005	96,2%
50	Tây Ninh	2.555.460	871.884	821.853	10.161	25.654	265.431	88.894	86.744	2.170.621	84,9%
51	Cần Thơ	2.633.488	923.328	1.354.762	5.865	241.428	100.733	105.400	49.006	2.780.522	105,6%
52	Sóc Trăng	2.610.960	887.380	851.673	0	307.532	10.887	116.852	104.545	2.278.869	87,3%
53	An Giang	3.933.802	1.357.584	1.335.061	183.696	305.670	119.745	201.778	182.672	3.686.206	93,7%
54	Bến Tre	2.712.410	1.019.494	990.126	0	373.012	129.788	106.924	101.266	2.720.610	100,3%
55	Trà Vinh	1.923.290	787.383	576.883	0	19.336	205.344	85.371	78.647	1.752.964	91,1%
56	Vĩnh Long	2.225.280	773.642	749.974	0	209.724	130.720	91.314	86.544	2.041.918	91,8%
57	Đồng Tháp	3.484.710	1.240.238	1.190.546	148	265.221	68.335	144.649	115.048	3.024.185	86,8%
58	Bình Dương	6.064.450	2.379.843	1.939.931	0	22.061	236.033	186.968	141.929	4.906.765	80,9%
59	Bình Phước	2.173.250	750.837	719.988	0	63.124	52.125	109.584	100.949	1.796.607	82,7%
60	Kiên Giang	3.566.150	1.236.952	1.142.068	64.566	0	94.484	142.591	155.939	2.836.600	79,5%
61	Cà Mau	2.349.220	817.500	807.387	0	231.677	82.974	112.221	110.243	2.162.002	92,0%
62	Bạc Liêu	1.604.190	566.384	553.323	0	163.657	68.173	88.330	84.989	1.524.856	95,1%
63	Hậu Giang	1.479.590	530.563	508.968	0	122.605	51.236	74.042	71.065	1.358.479	91,8%
Cộng miền Nam		77.967.814	29.055.251	27.109.209	414.969	3.455.222	6.490.878	3.124.287	2.823.680	72.473.496	93,0%

Ghi chú:

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 63.290 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.556.220 liều, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.207.591 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 113.588 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Quốc phòng khoảng 1,22 triệu liều)
- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 121.956 liều, trong đó có 59.902 mũi 1, 37.811 mũi 2 và 24.243 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 872.000 liều).

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 19/01/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại) /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,4%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	3,4%	90,5%	88,2%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,2%	94,5%	10,3%	99,4%	33,1%
4	Nam Định	1.159.000	145.000	97,7%	94,9%	4,8%	100,0%	50,8%
5	Hà Nam	612.219	72.258	94,7%	92,9%	12,4%	98,2%	95,6%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	93,4%	10,0%	100,0%	94,1%
7	Thanh Hoá	2.389.774	282.970	96,6%	89,4%	1,1%	99,3%	76,5%
8	Bắc Giang	1.322.538	168.720	98,4%	96,6%	42,8%	88,0%	80,1%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	98,2%	93,1%	23,0%	98,8%	92,4%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	95,5%	86,2%	2,9%	96,8%	77,4%
11	Vĩnh Phúc	810.197	126.825	96,8%	85,6%	0,0%	77,5%	46,1%
12	Hải Dương	1.331.799	166.013	93,8%	89,3%	20,5%	94,4%	81,4%
13	Hưng Yên	826.028	127.980	99,4%	95,5%	3,7%	82,3%	80,9%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	98,4%	89,5%	10,0%	99,5%	89,1%
15	Bắc Cạn	216.218	26.267	97,8%	90,5%	3,3%	77,3%	8,6%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	95,8%	90,4%	46,1%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	92,3%	86,7%	0,0%	100,0%	88,4%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại) /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,9%	100,1%	11,9%	100,0%	88,2%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	90,2%	8,8%	97,7%	89,1%
20	Lai Châu	261.410	52.540	96,4%	91,1%	13,3%	96,4%	85,2%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	98,3%	95,2%	24,5%	100,0%	94,7%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	98,1%	22,4%	2,6%	52,1%
23	Hà Giang	490.008	105.690	97,7%	90,1%	17,3%	80,2%	65,7%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	92,8%	83,0%	15,3%	100,0%	87,0%
25	Yên Bái	510.271	79.169	99,3%	95,4%	15,6%	97,8%	92,5%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	94,3%	12,2%	45,7%	89,2%
27	Sơn La	834.690	136.147	92,5%	78,1%	6,5%	69,2%	74,6%
28	Điện Biên	336.229	74.737	97,9%	87,7%	14,4%	83,0%	66,7%
Cộng miền Bắc		29.133.538	3.841.037	100,0%	95,6%	16,5%	92,7%	80,7%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	97,4%	92,9%	8,5%	95,1%	70,6%
30	Quảng Trị	453.602	69.712	94,3%	89,7%	9,2%	87,0%	40,3%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	94,9%	14,1%	99,1%	93,5%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,2%	95,8%	13,2%	98,3%	96,3%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	95,4%	91,8%	2,7%	85,2%	68,2%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	97,1%	88,4%	3,9%	95,7%	82,2%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	93,3%	88,6%	6,8%	95,1%	37,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại) /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
36	Phú Yên	678.954	86.632	91,2%	85,1%	10,8%	97,4%	83,1%
37	Khánh Hòa	952.940	95.000	100,0%	97,2%	22,8%	100,0%	100,0%
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	93,9%	13,6%	96,4%	87,4%
39	Bình Thuận	902.470	135.851	100,0%	93,8%	2,3%	69,9%	52,7%
Cộng miền Trung		8.668.699	1.135.568	97,1%	92,1%	9,5%	93,6%	73,7%
40	Kon Tum	338.741	60.751	93,4%	86,4%	8,2%	96,2%	77,9%
41	Gia Lai	950.154	173.530	100,0%	90,6%	10,8%	94,1%	73,7%
42	Đắk Lắk	1.263.947	206.278	99,0%	92,8%	7,0%	85,7%	46,8%
43	Đắk Nông	404.872	72.059	99,1%	97,0%	13,5%	94,3%	90,4%
Cộng Tây Nguyên		2.957.714	512.618	99,5%	91,9%	9,3%	91,0%	65,7%
44	TP. HCM	7.300.000	760.000	100,0%	91,7%	48,3%	94,9%	92,6%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	92,6%	27,1%	97,8%	96,1%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	93,7%	5,3%	60,7%	44,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	97,5%	23,0%	98,6%	93,3%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	99,3%	40,1%	100,0%	91,3%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	97,4%	7,9%	100,0%	85,0%
50	Tây Ninh	947.189	98.373	92,0%	86,8%	28,0%	90,4%	88,2%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	97,4%	100,0%	10,6%	93,5%	43,5%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	98,3%	1,3%	100,0%	93,7%
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,0%	97,3%	8,7%	100,0%	91,9%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại) /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,1%	95,3%	12,5%	100,0%	97,0%
55	Trà Vinh	698.227	87.422	100,0%	82,6%	29,4%	97,7%	90,0%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	97,5%	17,0%	99,6%	94,4%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.614	99,6%	95,6%	5,5%	90,6%	72,1%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	82,2%	10,0%	96,3%	73,1%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,0%	94,9%	6,9%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	189.132	100,0%	95,9%	7,9%	75,4%	82,4%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,5%	99,2%	10,2%	100,0%	98,2%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	98,9%	96,6%	11,9%	97,3%	93,6%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,0%	94,9%	9,6%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.588.505	3.351.141	100,0%	94,8%	22,7%	93,2%	84,3%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 19/01/2022 đến 16h00 ngày 20/01/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 5.504 lượt người (nhập cảnh: 2.996, xuất cảnh: 2.508).
- + Tuyến VN-TQ: 2.251 lượt người (nhập cảnh: 1.165, xuất cảnh: 1.166).
- + Tuyến VN-Lào: 2.337 lượt người (nhập cảnh 1.288, xuất cảnh: 1.089).
- + Tuyến VN-CPC: 916 lượt người (nhập cảnh 511; xuất cảnh: 362).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 996 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 792 người (VN-TQ: 08, VN-Lào: 352, VN-CPC: 432).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 145 người (VN-TQ: 12; VN-Lào: 0, VN-CPC: 133).
- + Số người trao trả: 59 người (VN-TQ: 59; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 18/01/2022 tới ngày 19/01/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 1.164 lượt người (nhập cảnh: 341 lượt người; xuất cảnh: 823 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 3.037 lượt người (nhập cảnh: 2.139 lượt người; xuất cảnh: 898 lượt người).

III, Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 20/01, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 59 tin/bài tiếng Việt; 145 ảnh trong nước và quốc tế; 31 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh; công tác tiêm vaccine phòng COVID-19...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tập trung thông tin về chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19 về công tác phòng, chống dịch; công văn của Văn phòng Chính phủ truyền đạt ý kiến Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng lộ trình mở cửa an toàn, khoa học, hiệu quả đón khách du lịch quốc tế; ý kiến đồng ý chủ trương tạo thuận lợi về thủ tục nhập cảnh đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài cùng thân nhân về nước; ý kiến của việc đẩy nhanh hoàn thành tiêm vaccine phòng COVID-19; bảo đảm an toàn, hiệu quả công tác phòng, chống dịch COVID-19 trong dịp Tết Nhâm Dần 2022; kế hoạch kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch COVID-19 và thanh tra việc mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, sinh phẩm, kit xét nghiệm, vaccine, thuốc phòng chống dịch COVID-19 của Bộ Y tế và một số đơn vị sự nghiệp thuộc bộ; sự hỗ trợ của các bệnh viện tuyến Trung ương đối với các

địa phương trong công tác phòng, chống dịch; thông tin về quy định của các địa phương về phòng, chống dịch trong dịp Tết; tiếp tục khuyến cáo người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng, chống dịch, thực hiện tốt hướng dẫn của ngành y tế để phòng chống dịch bệnh COVID- 19...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật tình hình dịch bệnh trên thế giới với một số thông tin đáng chú ý như số ca mắc mới COVID-19 trong tuần qua tại châu Mỹ cao chưa từng có; lần thứ hai Mỹ ghi nhận hơn 1 triệu ca mắc mới COVID-19 trong một ngày; Liên minh GAVI cần thêm 5,2 tỷ liều vaccine mới đủ nguồn cung; các biến thể mới của virus SARS-CoV-2 có thể lây nhiễm ở chuột; số liệu bệnh nhân nhập viện không phải là thước đo chính xác tình hình đại dịch COVID-19; Bộ trưởng Y tế Indonesia giải thích quyết định tiêm mũi tăng cường bằng nửa liều vaccine; nghiên cứu mở ra triển vọng bào chế vaccine phòng virus SARS-CoV-2 và các biến thể...

IV. Thông tấn xã Việt Nam

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 19/01, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.064.000 cuộc gọi (ngày 19/01 đã tiếp nhận và xử lý hơn 13 nghìn cuộc gọi).

09/1	10/1	11/1	12/1	13/1	14/1	15/1	16/1	17/1	18/1	19/1
16446	20753	23522	19569	18140	16278	13144	10893	13631	14009	13653

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 19/01/2022 đã tiếp nhận hơn 309 nghìn cuộc (ngày 19/01/2022 đã tiếp nhận 75 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5/2021 – 19/01/2022 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11/2021- 19/01/2022 không thực hiện gọi ra).

Tiêu chí	09/1	10/1	11/1	12/1	13/1	14/1	15/1	16/1	17/1	18/1	19/1
Cuộc gọi đến	72	76	87	81	61	63	82	50	61	79	75

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 33.737.396 (+7.077 so với 19/01/2022, tăng 18.104 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 35,17% dân số, 50,59% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.692.454 điểm đăng ký

+ 188.610 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 226.564.084

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 172.714.399

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 164.198.960

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 95,07%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 32.164.260

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu 15.858.656 (tăng 90.795 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 72.195 người

Bắc Giang 55.769

Hà Nội 9.416

Quảng Bình 9.808

Đồng Nai 2.857

Yên Bái 4.300

Thừa Thiên Huế 4.313

Bắc Ninh 1.785

Thái Nguyên 1.037

Đồng Tháp 265

Bình Dương 361

Khánh Hòa 94

An Giang 116

Bình Phước 429

Vĩnh Phúc 119

Sóc Trăng 42

Quảng Trị 30

Lào Cai 18

Đắk Nông 33

Cà Mau 3

- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 5.988.810 (tăng 42.758 người)

Quảng Ninh 1.283

Hải Dương 381

Bình Thuận 179

Bãi Cháy 109

TPHCM 1430

Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh	312
Bình Định	68
Yên Bái	477
Bệnh viện Quy Hòa	43
Lào Cai	19
Thái Nguyên	76
An Giang	19
Bắc Giang	29.405
Bắc Ninh	143
Bình Dương	323
Đắk Nông	3
Đồng Nai	561
Đồng Tháp	22
Hà Nội	1.591
Khánh Hòa	334
Quảng Bình	1.153
Sóc Trăng	9
Thừa Thiên Huế	365
Tiền Giang	5
Vĩnh Phúc	121
Bệnh viện ĐK Tư nhân Hùng Vương	1
CENTER LAB VIỆT NAM	1
Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh	61
Bệnh viện quốc tế Hoàn Mỹ	552
Bệnh viện sản nhi TWG Long An	48
SOVICO	1494
Bệnh viện đa khoa Hoàng Tuấn - Sóc Trăng	20
Bệnh viện Hồng Ngọc	662
Bệnh viện Hoàn Mỹ Thủ Đức	30
Chi cục Thú y vùng II	23
Bệnh viện Nhi đồng 2	246
Phòng khám đa khoa Hòa Hảo	286
Bệnh viện thành phố Thủ Đức	3
Bệnh viện đa khoa S.I.S Cần Thơ	1
Bệnh viện Vinmec Times City	891
Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	1
Bệnh viện Labhouse	7

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...